

Triển Vọng



Sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản ở Liên Xô đã giải trừ viễn ảnh của một đại họa nguyên tử trên thế giới. Nhưng mặt khác nó nêu ra nhiều vấn đề cho con người ở thế kỷ 20 hơn là giải quyết. Vấn đề cho các nước cộng sản còn lại, trong đó có Việt Nam, về một viễn tượng của một chủ nghĩa đang tàn tạ. Vấn đề

cho chính các nước cộng sản vừa sụp đổ trong việc đi tìm một ý thức hệ mới. Và sau hết vấn đề cho các xã hội dân chủ Tây Phương đứng trước những thay đổi trong thế giới cộng sản. Từ đầu thế kỷ này người Cộng sản đã tiến hành cách mạng mà họ muốn để xây dựng một hệ thống xã hội của giai cấp công nhân. Trong dự

phóng cách mạng đó họ tự cho là quán quân của giải phóng chống lại ý thức hệ duy tâm hay duy lý tưởng (idealism) phục vụ cho giai cấp tư sản lánchez đạo. Ngày nay Liên Xô - người lãnh đạo cuộc đấu tranh ý thức hệ đó - đã bỏ cuộc vì như Gorbachev nói, chúng ta không thể tìm những giải đáp cho vấn nạn của chúng ta trong khuôn khổ của mô thức cũ. Lãnh đạo Trung Quốc và Việt Nam, để chỉ nói 2 nước gần gũi với người Việt Nam lưu vong, những người còn lại trong cuộc hành trình cách mạng đó không làm gì hơn là tái khẳng định sự bất khả thi bại của XHCN duy vật. Họ thấy an toàn trong sự tái khẳng định đó bởi vì họ lo sợ xáo trộn, chia rẽ trong đoàn quân, đổ máu. Sự tái khẳng định đó, một lần nữa, đã chứng tỏ một sự trốn chạy trước lương tâm của người cộng sản. Cái mà họ tìm trong chủ nghĩa Cộng Sản, cho đến bây giờ, không phải là sự giải phóng mà là một sự thi hành kỷ luật. Xây dựng những thế hệ con người tương lai họ không thể tiếp tục xiêng dương những sai lầm đã thành công. Đối với các xã hội dân chủ Tây Phương ngày nay, sự bỏ cuộc của một trong hai đối thủ không có nghĩa đơn giản là họ thắng lợi. Những thực tại, làm nguyên động lực cho cách mạng vô sản trước đây, những thực tại lì lợm vẫn tồn tại: thất nghiệp, đình công, tội phạm, kỳ thị chủng tộc v.v. Nó nói lên một sự bất hợp lý trong tổ chức, một mâu thuẫn xã hội mà tầng lớp kém ưu đãi phải chịu đựng trong một hệ

thống xã hội được xây dựng trên sự khai thác.

Chủ nghĩa duy vật một thời đem lại những thắng lợi cho giai cấp vô sản và đã thu hút các phân tử cấp tiến tư sản duy tâm, ngày nay nó chỉ cản trở công cuộc giải phóng. Cũng thế, chủ nghĩa duy tâm một thời đã phục vụ giai cấp tư sản khi nó còn là một giai cấp đang lên, ngày nay chỉ có thể cản trở sự phát triển đời sống vật chất, cơ sở của mọi phát triển xã hội, chính trị, trí thức. Sự phát triển không đều của đời sống vật chất - về mặt xã hội - đã là nguyên nhân của những tệ đoan (thất nghiệp, đình công, tội phạm). Một bên đề cao sự giải phóng để đánh cắp tự do, một bên trói buộc con người vào giá trị có sẵn không cho nó thấy khả năng sáng tạo lối đi cho mình. Con người vẫn mất dạng bởi vì 2 nền tư tưởng đối nghịch đã ly khai với kinh nghiệm xã hội và lịch sử. Nếu bây giờ công việc tìm lại con người cụ thể là một điều khả dĩ nghĩa là nếu cách mạng là một hành động có thể tiến hành được thì nó đòi hỏi phải vượt qua - trong một hệ thống hợp nhất - sự đối nghịch giữa duy vật, chỉ cho ta hiểu sự tan rã của một xã hội nhưng không biết xây dựng một xã hội mới, và duy tâm, biến sự việc (fact) thành quyền thế và giá trị để mê hoặc con người.

Trước sự thay đổi ở Liên Xô, lãnh đạo CSVN có triển vọng tương lai để tìm một hệ thống mới thay thế cho hệ thống hiện tại hơn là cứ tiếp tục khẳng định một điều đã trở thành định mệnh. Duy vật sứ

quan đã trở thành định mệnh sử quan. Đối với Liên Xô và các nước Đông Âu bây giờ họ chẳng cần khẳng định XNCH là tất yếu lịch sử hay không mà vấn đề trước mắt của nhân dân các nước đó là tiến đến một hệ thống xã hội, một tương lai chưa đến, dù là trong xáo trộn để biểu dương cái chân lý về con người: đó là tự do. Vì nếu con người không tự do tự căn bản, nếu nó không sở hữu vận mệnh của nó thì mọi cuộc giải phóng đều vô nghĩa: tất cả đều an bài bởi Thượng Đế. Nhưng ngược lại nếu con người là tự do, nếu nó quyết định lấy vận mệnh của mình một cách trọn vẹn thì - như trên đã nói - thuyết duy vật và duy tâm cho đến nay vẫn lệ thuộc con người vào một định mệnh. Chỉ khác một điều là trong xã hội CS định mệnh đó là giai cấp lãnh đạo Đảng và trong xã hội tư bản đó là các giá trị của trời ban cho.

Một hệ thống mới phải thoát thai từ 2 ý thức hệ đối nghịch đó và kết hợp chúng trong một tổng hợp phong phú hơn, vì đó là ý nghĩa của tổng hợp. Do đó điều cần thiết là phải trở về với 2 nền tư tưởng đó để đánh giá nội dung của chúng trong việc tìm hiểu ý nghĩa của một tổng hợp mới như là một triển vọng tương lai của xã hội.

Pascal đã nói con người là một cây sậy biết tư tưởng. Từ ngàn xưa con người đã biết suy nghĩ. Sự tương quan giữa tư tưởng và thế giới khách quan (thế giới hiện tượng) là đối tượng khảo sát của các triết gia nổi tiếng. Có một tư

tưởng thuần túy không? Hay nó là phản ảnh của thực tại khách quan. Kant khi cho rằng sở dĩ ta hiểu được vạn vật là nhờ ở trí học ẩn định trước một hình thái vào sự vật. Phải đợi đến Hegel (thế kỷ 19) thì tư tưởng mới có 1 đời sống, một sinh hoạt riêng của nó mà sự cấu tạo của nhiên giới là do hoạt động của tư tưởng. Hegel đã mô tả - bằng hiện tượng luận - sự sinh hoạt của ý tưởng (idea). Theo ông thì ý tưởng (tiền-dề) tạo ra một ý tưởng đối lập (phản-tiền-dề), hai ý đó được hòa giải ở một ý tưởng thứ ba (tổng-hợp-dề) để rồi trở thành một tiền đề khác. Và cứ như thế tư tưởng mỗi lúc một phong phú để cuối cùng đi đến cái tinh thần của thế giới mà mọi mâu thuẫn đều được hòa giải. Đó là hiện tượng Hegel. Nó đặt ưu-việt-tính của chủ thể đối với sự vật. Biện chứng duy tâm này ta thấy trong đạo Phật nhưng ở hình thức đơn giản hơn của một cá nhân. Dĩ án báo oán thì oán nghiệt tiêu tan. Biện chứng Hegel là do tính động năng của ý tưởng. Ý tưởng luôn luôn tự bổ sung và tổng hợp. Trong lời phát biểu “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông” đã ngụ ý rằng khó và không khó do tâm mà ra cả. Cái mâu thuẫn nội tâm đó khi hướng về tương lai sẽ kêu gọi một quyết tâm để hòa giải mâu thuẫn. Như thế, tư tưởng duy tâm loại bỏ thực tại khách quan, nó thu gọn thực tại vào ý tưởng. Nó làm tan biến sự vật, xem như sự vật thuộc về tư tưởng và hậu quả là làm

cho ta nghĩ rằng thay đổi ý tưởng là thay đổi thực tại, là thay đổi thế giới. Đó là cái huyền diệu của ý tưởng, nó có khả năng tạo ra mâu thuẫn và tự bổ sung mãi mãi. Trong thực tế xã hội nó giúp cho giai cấp lãnh đạo thay đổi để giữ nguyên trạng. Thay đổi trên thương tầng kiến trúc mà không động đến cơ sở hạ tầng là nơi sản xuất ra đời sống vật chất và là nơi xảy ra mâu thuẫn thực sự. Dự luật dân quyền (Civil Rights Bill) vừa được thượng viện Mỹ biểu quyết để thay đổi luật hiện hành về kỳ thị ở xí nghiệp đã án định phạt và một số tiền lớn cho các chủ nhân bị kết tội kỳ thị. Nói cách khác sự thay đổi luật lệ, định chế không thay đổi hành động kỳ thị. Đó là sự ly khai giữa trí và hành. Ngày nay kinh nghiệm xã hội và lịch sử đã đi ra ngoài trí thức (trong xã hội CS cũng như xã hội tư bản). Sự ly khai đó, làm cho con người không thấy khả năng sáng tạo một lối đi cho mình thay vì tương lai là một cái gì chưa đến và ta không định nghĩa được để tự ta tìm lấy, thay vì như thế tương lai đã lấp đầy những giá trị đã được thiết lập trong xã hội (phú quý, chức phận, danh dự). Đó là khởi điểm của sự khai thác, nhân sinh quan của giai cấp lãnh đạo đều thấm nhuần các giá trị đó, sản phẩm của quyền lực và tập quán. Hậu quả của nó là che lấp thực tại là nơi tạo nên động lực của hành động kể cả hành động cách mạng. Người của giai cấp bị áp bức chỉ thấy những giá trị đó, họ suy nghĩ cái suy nghĩ của giai cấp điều

khiển. Họ chấp nhận những giá trị đó và những gì mà họ có là một ý thức hệ vay mượn. Một văn hóa cờ nhặt. Đó là thực tại trí thức của các giai cấp bị áp bức. Một thực tại siêu hình. Họ có tự do trong khuôn khổ ý thức hệ của giai cấp lãnh đạo. Một tự do nội tâm mà ở đâu người ta cũng có. Epictetus ngày xưa là một triết gia nô lệ của đế quốc La Mã, đã không vùng dậy dù ở trong xiềng xích vì ông ta cảm nhận tự do, ông hướng tự do như một người có đức hạnh thán nhiên trước những lạc thú cũng như đau khổ ở đời mà phái stoicism (triết lý khoả hạnh) đã truyền rao trước đó. Những tư tưởng trừu tượng, những ý muốn trống rỗng là tất cả những gì người ta dành cho kẻ nô lệ trong cái gọi là tự do siêu hình. Che lấp thực tại khách quan, thu gọn nó vào ý tưởng, xác nhận tính ưu việt của chủ thể, diễn tả những thay đổi trong thế giới như bị chi phối bởi ý tưởng hoặc hơn nữa, như những thay đổi của ý tưởng, tất cả những điều đó là nội dung của nhân sinh quan duy tâm. Nó xiềng dương tự do tinh hồn để khỏi phải giải thích rằng tự do là điều kiện cần thiết của hành động. Điều quan tâm của nó là kéo dài nguyên trạng, bằng cách thay đổi tư tưởng thay đổi thương tầng kiến trúc. Giai cấp tư sản ngày nay đã tàn tạ vì chế độ tư hữu bất động sản đã thay đổi. Dân chủ là luật của đa số. Giai cấp lãnh đạo là giai cấp đa số cũng không thoát khỏi sự kết tụ thành giá trị của giai cấp mà nó thay thế, nó không thoát khỏi thành kiến về tính

ưu việt của tư tưởng. Những quan niệm duy tâm không đổi mới, nó hao mòn dần mà không có gì thay thế. Những cố gắng của xã hội học - nhất là ở Mỹ - với kỹ thuật thống kê chính xác cũng không đem lại phần khởi trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội. Đặc điểm của nó là dựa trên thực nghiệm chia vụn con người thành tổng số những tác phỏng (behaviourism) giống như thuyết Taylor trong kinh tế học, phân tâm học và tâm lý học - rất thịnh hành ở Mỹ - không khảo sát con người trong toàn thể nghĩa là trong tương quan của nó với thế giới vạn vật. Chúng không có căn bản lý thuyết và chỉ có nhiệm vụ cung cấp dữ kiện cho một cuộc khảo sát tổng hợp về những hoàn cảnh vong thân của con người trong một xã hội xây dựng trên sự khai thác.

Khuyết điểm của nhân sinh quan duy tâm là làm tan biến thực tại thế giới bằng cách loại trừ sự vật. Để cho một khúc sông, một ngọn đồi có thể dễ hoặc khó thì ta phải có một dự án muốn vượt qua sông hay leo đồi. Chính con người khám phá ra sự trở ngại của cái hữu hình trong dự phỏng vượt đến một tương lai. Ngọn đồi này là một trở ngại nếu ta muốn vượt qua. Muốn cho sự vật phơi bày cái mà Bachelard gọi là "hệ số thù nghịch" của nó thì phải đưa nó vào dự phỏng của ta. Tự nó ngọn đồi là, ngọn đồi không khó khăn trở ngại cho ai cả. Cũng như tâm ta không thấy khó hay không khó nếu ngọn đồi không nằm trong dự phỏng

của ta. Tóm lại một nhân-sách-quan thực tiễn đòi hỏi như Sartre chủ trương - 1 liên hệ giữa chủ thể và vạn vật trong một tương quan nào đó (dự án leo núi, vượt sông) mà ta không thể quan niệm được chủ thể đơn độc ở ngoài thế giới cũng như không thể quan niệm được một thế giới mà không được soi sáng bởi những cố gắng của con người (trong dự phóng của nó). Nguyễn Du có lẽ là diễn tả quan điểm thực tiễn đó khi ông nói:

*"Có trời mà cũng có ta
Xưa nay nhân định thắng
thiên cũng nhiều"*

Đó có nghĩa là để có thể có một định mệnh, để có thể gọi là một cuộc thế thì phải có ta và tạo vật trước hết. Loại bỏ cái ta như duy vật chủ trương hoặc loại bỏ sự vật như duy tâm khi đề cao tính ưu việt của tư tưởng thì cuộc đời chỉ còn là huyền thoại. Thực biến thành mộng.

Cách đây hơn một thế kỷ, chịu ảnh hưởng của quan niệm biện chứng duy tâm Hegel, nhưng thay vì là một biện chứng của ý tưởng Marx đã đảo ngược biện chứng chứ không phải ý tưởng. Nó khởi đầu cho duy vật biện chứng theo đó lịch sử là miên tục (xảy ra hàng ngày, hàng giờ) làm cơ sở cho duy vật sử quan. Những người duy vật Mác-xít môn đệ của ông sau đó, không biết đến những gì Marx đã nói, họ lại đảo ngược biện chứng duy vật để trở lại biện chứng duy tâm mà họ không biết. Chỉ khác một điều là thay vì biện chứng trong trí óc họ đưa

bíen chứng vào vật chất mà họ cho là khoa học khách quan, cho nên ta thấy nhà khoa học tư sản đi theo CS trong lúc đầu. Tiếng nói của khoa học là vô tư, là tiếng nói của vật chất và từ đó vật chất sinh ra tư tưởng. Và cái vật chất mà họ nói ở đây là vật chất mà nhà khoa học nói đến. Họ đã làm cái trí thức trong hành động dự phóng và trí thức thuận túy của khoa học. Họ không có khả năng hiểu và giải thích động lực của một hành động nhân bản và từ đó một biến cố xã hội trên quan điểm biện chứng ngoài ra việc nói rằng mọi sự phát triển xã hội là theo quy luật của duy vật mà thực chất duy vật của người Mác-xít là phi biện chứng. Vì lý luận khoa học là một lý luận phân tích (từ nhân đến quả) nghĩa là ngược lại với lý luận biện chứng. Cho nên việc đầu tiên của họ là phải chứng minh cho bằng được rằng nhiên giới phát triển theo biện chứng. Engels đã viết, trong một tác phẩm chung với Marx: "Quan niệm về duy vật của thế giới có nghĩa đơn giản là cái quan niệm về nhiên giới nó thế nào thì như thế ấy, không cộng thêm một cái gì khác". Cái gì khác ở đây có nghĩa là con người. Vậy việc đầu tiên đối với những ai muốn đến với chủ nghĩa duy vật là phải để lại cái chủ thể ở ngoài cửa? Họ phải đến với các xác như một môi trường sinh lý hóa (vật chất). Họ phải đến với niềm tin tuyệt đối chứ không phải với lý trí. Lý trí đã có rồi và là của vật chất. Quan niệm duy vật của Nhiên-giới đã nói gì? Họ giải thích rằng Nhiên-

giới phát triển từ cái thấp đến cái cao. Từ một tổ chức thô sơ đến một tổ chức phức tạp có nghĩa, họ muốn nói, một phát triển biện chứng (như trên đã trình bày, biện chứng có nghĩa là sự phát triển của 1 tập thể trong đó có đấu tranh giữa các phần tử đối lập mà mỗi bên, trong quá trình đấu tranh, sẽ thay đổi bản sắc của mình để tiến đến một tập thể cao hơn. Một ví dụ lý tưởng của phát triển biện chứng này là cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư sản. Theo đó giai cấp vô sản sẽ sát nhập giai cấp tư sản tiến đến hệ thống không giai cấp). Và để biện minh cho sự phát triển từ thấp đến cao Engels đã lấy trường hợp Darwin. Ông nói: "Darwin đã đánh một đòn chí tử vào cái quan niệm siêu hình về thiên nhiên bằng cách chứng minh rằng thế giới hữu cơ (tức là thế giới vạn vật) ... là sản phẩm của 1 quá trình phát triển của hàng triệu năm".

Trước hết Engels đã cố tình gán cho Darwin những gì mà ông này không nghĩ đến khi nói đến sự thay đổi từ một loài này đến một loài khác. Sự giải thích của Darwin có tính cách máy móc chứ không phải biện chứng. Và đối với ông đó là một ngẫu nhiên máy móc chứ không phải là "một quá trình phát triển". Lê tất nhiên trong một loài có con lớn, con bé con cao con thấp đó là một ngẫu nhiên làm sao có thể giải thích đó là một quá trình phát triển. Còn nói về luật đào thải tự nhiên thì đó là "mạnh dược yếu thua". Con nào mạnh khỏe thì nó loại trừ con yếu đuối chỉ đơn giản có vậy. Làm

sao có thể xem đó là cuộc đấu tranh để di đến 1 tập thể cao hơn khi mà kẻ yếu bị loại trừ và chỉ còn kẻ mạnh khỏe thôi! Nếu có một loài này chuyển thành một loài khác thì đó là một sự chuyển loại qua di truyền nghĩa là một sự ngẫu nhiên từ một trạng thái này sang trạng thái khác. Làm sao hiểu được trạng thái này tự thay đổi, tự tổ chức cơ thể nội tại để thành một trạng thái khác nếu không nói là do ý muốn của Thượng Đế. Nghĩa là một giải thích siêu hình nhưng còn dễ hiểu hơn. Tóm lại Darwin không hề muốn chứng minh là trong luật đào thải tự nhiên có tổng hợp của những phần nghịch nhau nghĩa là có biện chứng. Người Mác-xít duy vật, lê dĩ nhiên, sẽ tìm thấy những gì họ đã để trước vào trong đó. Còn nói về tổng hợp thì tuy nhà khoa học có dùng đến danh từ này khi nói đến những hồn hợp hóa học. Như hồn hợp Hydrogen và Oxy để tạo thành nước. Nhưng các phần tử Hydrogen và Oxy vẫn giữ nguyên tính chất của nó trong hồn hợp. Và nếu dùng điện giải thì nó trở lại Hydrogen và Oxy. Hồn hợp đó là một trạng thái thụ động. Làm sao có thể nói hồn hợp Hydrogen và Oxy làm thành nước là một tiến bộ? Trong thiên nhiên phân tử Hydorgen và Oxy nằm cạnh nhau trong một hồn hợp là nước. Nó không thay đổi tính chất để trở thành nước, thì làm sao có biến chứng? Như trong phản ứng hạch tâm, những hạch tâm chuyển động ngược chiều nhau, khi nó kết hợp thành một hạch tâm khác thì phát ra

một năng lượng lớn. Theo phản ứng đó thì một phần vật chất bị mất để biến thành năng lượng. Ta có một sự suy thoái của vật chất chứ không phải một sự tăng cường nghĩa là ngược với biện chứng mà mỗi lúc nó đi đến, tổng hợp phong phú hơn.

Biện chứng chỉ có trong xã hội, đặc tính của nó là phẩm chất không phải lượng, nó có đấu tranh của những phần tử đối nghịch và có tổng hợp trong 1 toàn thể phong phú hơn. Do đó người Mác-xít duy vật đi tìm ở trong vật chất mà những hiện tượng trong xã hội chỉ là phản ánh của biện chứng vật chất. Như vậy họ là người duy tâm bởi vì họ đặc tính ưu việt của vật chất nhưng ngược chiều với người duy tâm tư sản lấy ý tưởng làm chủ yếu. Mục đích của khoa học không phải là chứng minh trong tạo vật có biện chứng. Cũng như trường hợp của Darwin, người duy vật muốn gán cho khoa học những mục đích không phải của nó. Để chứng minh là khoa học có tiến bộ, Engels đã gò ép lý luận và nói rằng trong vật lý học những thay đổi đều chuyển từ lượng qua phẩm (ý nói thay đổi là di đến một toàn thể phong phú hơn) và ông lấy ví dụ nhiệt độ của nước. Ông nói nếu ta tăng hoặc giảm nhiệt thì độ nhờn (độ lỏng) của nước thay đổi và đến một lúc nước biến đổi một đằng thành hơi và một đằng thành nước đá. Engels cho rằng nhiệt độ là một lượng thuần túy. Nóng, lạnh thoát đầu là một cảm giác đối với con người (tức là phẩm) mà nhà khoa

học muốn biểu diễn các cảm giác đó thành đơn vị đo lường (độ F hay độ C) để khảo sát các trạng thái thiên nhiên. Và hơi nước được xác định bằng áp suất hoặc nước đá bằng độ dẫn nở. Cho nên đối với nhà khoa học lượng sinh ra lượng. Khoa học không có cách nào biểu diễn phẩm như một cảm giác thuần túy. Sự lưu tâm đầu tiên của khoa học là chuyển những cảm giác về phẩm (nóng, lạnh, mạnh, yếu, nặng nhẹ v.v.) thành đơn vị đo lường như chân lý của vũ trụ nghĩa là đúng với tất cả mọi người. Mặt khác nếu tăng nhiệt độ thì nước bốc hơi bay lên trời rồi đọng lại thành nước. Như thế ta có 1 chu kỳ, đâu là tiến bộ trong sự thay đổi từ nước thành hơi nước? Không có tổng hợp, không có tiến bộ, thiên nhiên do đó, như Hegel nói, là ngoại tại. Vật chất là ngoại tại nghĩa là các thành phần cấu tạo nên nó không có khả năng thay đổi để thành một tổng hợp phong phú hơn như trong trường hợp của giai cấp trong xã hội đấu tranh tiến đến một xã hội không giai cấp. Khoa học có tiến bộ là đối với con người. Trong quả bom nguyên tử không có gì khác hơn, không có gì nhiều hơn những nguyên tử Uranium ở quặng mỏ. Nếu có chuyển động, có thay đổi thì trong thiên nhiên chỉ có chuyển động từ nhân đến quả. Quả không chứa đựng nhiều hơn Nhân. Nhưng quả bom là một sự tiến bộ khoa học thành công bởi vì phe đồng minh muốn thắng trận. Một lần nữa, ta thấy rằng để có tiến bộ, có tổng hợp

phong phú thì nhiên giới hữu cơ (nghĩa là có tổ chức) phải là một phần của dự phỏng nhân bản. Tâm (chủ thể) và vật phải đồng hiện hữu trong một môi trường (xã hội) để nơi có đấu tranh có tiến bộ. Người Mác-xít duy vật đã khởi đi từ một quan niệm vật chất rất nghèo nàn (của nhà khoa học). Như thế họ phải loại con người ra hay ngược lại phải thu gọn con người thành vật thể. Trái lại phải duy tâm trình bày thực tại bằng ý tưởng. Ta thấy rằng duy tâm và duy vật Mác-xít đều phiến diện ở chỗ nó đã triệt tiêu 1 trong 2 thành phần của thế giới. Duy vật Mác-xít loại bỏ con người, thu gọn chủ thể vào ý tưởng duy vật. Duy tâm loại bỏ vạn vật, thu gọn thực tại vào ý tưởng. Vì sự phiến diện đó cả 2 điều mang bản sắc mê hoặc. Mê hoặc của duy tâm là lấy giá trị xã hội trói buộc con người; của duy vật Mác-xít là để cướp tự do của gai cấp bị áp bức.

Nhưng nếu ý tưởng, theo Hegel, tự nó đầy đủ, toàn năng thì duy vật Mác-xít - bởi vì nó không chấp nhận cái gì khác ngoài vật chất - phải đặt vấn đề tất yếu. Chủ nghĩa CS là tất yếu lịch sử. Người CS muốn nói gì nơi 2 chữ tất yếu? Và nó ám chỉ thế nào? Nếu vũ trụ có, thì sự phát triển và diễn tiến các hiện tượng (chuyển động của các thiên thể, vị trí các tinh tú, các thiên hà) có thể được chi phối bởi các định luật. Những mối liên kết đó trong thế giới khách quan là cần thiết, nhưng sự cần thiết đó xảy ra trong lòng của một ngẫu nhiên

nguyên thủy, giống như cái vô thường của Phật Giáo. Bởi vì không phải là một điều cần thiết để vũ trụ có cũng như không phải là tất yếu để con người hoặc các sinh vật khác hiện hữu. Khi Châu Du than thở “trời sinh Du sao còn sinh Lượng” là ông đã cảm nhận cái ngẫu nhiên, cái phi lý của sự hiện hữu. Sinh ra đời, đối với nàng Kiều, là đến ở cõi đời, trong gia đình **này** (của Vương Ông) và luôn cả trong cuộc gặp gỡ **này** (với Kim Trọng) mà nàng không chọn:

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì
hay không?*

Như vậy cái ngẫu nhiên của vũ trụ đều hiện diện, dù bị che khuất, trong mỗi sự việc ở đời qua các mối liên kết cần thiết. Có thể nói rằng trong sự cần thiết (hành động của tôi hoàn toàn có lý do) vẫn có cái tình cờ. Sự tình cờ đó là cái khó hiểu, cái bất khả biện minh, cái mờ đục còn sót lại của mỗi sự việc cá biệt. Nó khiến cho Kierkegaard nói con người là không thể hiểu được để ông đi tìm cái tất yếu nơi thương đế. Không phải là cần thiết để Einstein hiện hữu. Theo nghĩa đó mà tài năng là 1 sự tình cờ. Thoát khỏi bánh xe luân hồi chính là muốn thoát khỏi cái ngẫu nhiên, thoát cái vô thường để đi đến cái tất yếu tuyệt đối. Niết bàn là nơi mà hành động tự nó đầy đủ, không có phải cứu cánh. Nơi mà ý muốn (dục) không còn có ý nghĩa của ý muốn nữa: quyền năng tự tạo. Tóm lại đó là quan điểm Thượng Đế. Đối với Thượng Đế vũ trụ là tất

yếu để làm một sứ mạng nào đó (tận thế chẳng hạn). Đối với quan điểm Thượng Đế tất cả đều được an bài không có rủi ro, không có tình cờ không có phi lý như trong hành động của Sisyphus suốt đời bị buộc phải đẩy 1 tảng đá lên đỉnh đồi để nhìn nó rơi xuống rồi lại đẩy lên lại.

Chủ nghĩa xã hội duy vật không thể thất bại, kết quả chắc chắn cũng tức là lịch sử đã làm sẵn, đã an bài, người Mác-xít duy vật, khi nói rằng CNCS là tất yếu lịch sử, họ đã nhìn ở quan điểm Thượng Đế. Đúng hơn họ đã tháo gỡ hình thương để để ngồi vào chỗ đó. Không phải là tình cờ mà ta thấy dưới chế độ CSVN các nhà sư và các linh mục Công giáo ca tụng XHCN. Vì Đảng là Thượng Đế và Thượng Đế là Đảng. XHCN được sinh ra để thi hành 1 sứ mạng lịch sử và Mao Trạch Đông, Hochiminh, Fidel Castro v.v. là những thần linh trong nước của họ. Người Mác-xít duy vật đã giải thích sự hiện hữu của con người bằng thuyết Darwin để phủ nhận Thượng Đế nhưng họ lại âm thầm thay thế Thượng Đế khi khẳng định rằng CNCS là tất yếu. Cũng như nói rằng nó có sứ mạng thiêng liêng đưa con người đến một xã hội không gai cấp. Người Pháp trước kia cũng đã nói họ đến VN là để thi hành sứ mạng khai hóa (mission civilisatrice). Nói về duy vật thì Epicurus (thế kỷ 3 B.C.) là người duy vật đầu tiên. Nhưng ông không dám loại bỏ các thần linh mà ông chỉ xem đó như những sinh vật thiêng liêng không có tương quan nào

với chúng ta. Ông chỉ cất đi cái quyền năng tự tạo của họ và họ cũng được sinh ra như chúng ta.

Trong bao nhiêu năm người CS đã nhân danh tự do dựa trên một lý thuyết lửa dối, mâu thuẫn. Nếu nó có đem lại những thắng lợi bước đầu thì điều đó có nghĩa là nội dung của nó chỉ để động viên, tổ chức bằng mề hoặc chứ không phải là giải phóng, chỉ để phá đổ mà không có khả năng xây dựng. Nhưng nếu con người là tự do thì sự chiến thắng của XHCN không có gì là bảo đảm cả. Nó là tất cả những gì con người làm ra. Một triết lý Cách Mạng, nếu đó là 1 điều khả dĩ, tất phải gỡ bỏ mọi giá trị xã hội trùu tượng, mọi mề hoặc hữu khuynh cũng như tả khuynh. Bất khả biện minh, ngẫu nhiên, vô thường đó là ý nghĩa nguyên thủy của hiện hữu, của cuộc sống. Do đó tất cả những định chế, trật tự xã hội là tương đối, luôn luôn thiếu sót và đều có thể bị vượt qua để đến những trật tự khác. Một khác hệ thống giá trị đương thời của xã hội là phản ánh những cơ cấu của xã hội đó và nó có xu hướng bảo tồn các cơ cấu đó mà hậu quả là biến con người thành tất yếu và các định chế thành một chủ nghĩa phủ nhận mọi thay đổi: xã hội trở thành khép kín đó là nguồn gốc của độc tài. Độc tài do đó không phải là tóm thâu quyền hành vào một chỗ mà nó có nghĩa là không cho người ta thấy có thể có một con đường nào khác hơn là định chế đương thời.

Trước ngày có biến cố Điện Cẩm Linh, Gorbachev đã phát

biểu trước đại hội Trung ương đảng rằng: Chúng ta đứng trước nhu cầu phải **thay đổi tận gốc rễ sự hiểu biết** của chúng ta về XHCN. Chúng ta không tìm được giải đáp cho những vấn nạn của chúng ta trong khuôn khổ của **mô thức cũ**. Đổi với Gorbachev thay đổi hiểu biết, thay đổi tư tưởng là để thay đổi xã hội, là để thay đổi thực tại. Do đó mà sau khi được trả tự do (và trước khi gặp quốc hội của Cộng hòa Russia và Yeltsin) ông vẫn để nguyên cơ cấu chính phủ đương thời (để cử phụ tá Quốc phòng thay thế bộ trưởng, phụ tá KGB lên thay thế giám đốc KGB) cũng như cơ cấu Đảng (và chỉ sau khi gặp Yeltsin và quốc hội của Russia ông mới từ chức Bí thư đảng). Lời phát biểu của Gorbachev trên đây chứng tỏ ông đã rơi vào quan điểm duy tâm. Nó cũng chứng tỏ cái khó khăn của con người hiện tại để thoát khỏi hấp lực của 2 ý thức hệ đối nghịch.

Nhân dân Liên Sô đã lay đổ hệ thống giá trị cũ và việc đầu tiên của họ là tìm lại thực thể quốc gia qua các cuộc trưng cầu dân ý đòi độc lập. Họ đang đứng trước một triển vọng tốt đẹp để xây dựng 1 xã hội mới, một con người mới thoát khỏi sự ràng buộc của hai ý thức hệ đối nghịch mà thực chất vẫn là tước đoạt tự do, triển vọng đó là nhân dân Liên Sô và Đông Âu cũ có cơ hội xây dựng, nhân sinh quan mới không phải từ trên trời rớt xuống mà nó đã có trong hai cơ cấu xã hội hiện tại của Cộng sản và Tư bản nhưng thiếu con người. Không có gì

vĩnh cửu và cũng không có gì tất yếu, hoặc nếu có thì đó phải là cái vĩnh cửu của thay đổi, cái tất yếu của ngẫu nhiên. Đạo khả đạo phi thường đạo. Một giá trị mà có thể gọi là giá trị thì không còn là giá trị nữa. Sở dĩ gọi là một giá trị bởi vì nó đã được thiết lập nghĩa là có thể bị thay đổi.

Đó có thể là nền tảng của một triết lý cách mạng thực tiễn. Thực tiễn có nghĩa là gắng liền với điều kiện vật chất hiện có của xã hội chứ không phải gắng liền với một lý thuyết trùu tượng của tư tưởng thuần túy. Như trường hợp sáng tác ra lý thuyết nhân vị rồi xây dựng xã hội cho ăn khớp với lý thuyết đó. Đó là tách rời tri và hành. Thay đổi xã hội không có nghĩa là triệt hạ 1 giai cấp này để đưa 1 giai cấp khác đến. Không phải vì quyền lợi của giai cấp bị áp bức, không vì quyền lợi của con người mà vì **sự đoàn kết** của **loài người**. Bởi vì trong vũ trụ có một loài người cũng như các loài khác. Không thu gọn vạn vật vào ý tưởng cũng như không thu gọn con người vào vật chất, một triết lý thực tiễn đòi hỏi sự cộng tồn của chủ thể và vật như những thành phần bất khả phân của thế giới.

Lãnh đạo CSVN và các nước CS còn lại đang có một hoàn cảnh thuận lợi để khởi cuộc cách mạng này mà trong bao nhiêu năm họ đã dối lòng và dối người khi tưởng rằng họ đã phục vụ cách mạng. Chủ nghĩa duy vật của CS chỉ có thể lừa dối. Sự sụp đổ của chủ nghĩa CS ở Liên Sô có nghĩa là CSVN không thể tiếp tục

giảng dạy cho thế hệ mai sau những sai lầm đã thành công. Triển vọng cách mạng đó mặt khác không phải nhất thiết đi đến mô thức xã hội Tây phương bởi vì dân chủ không phải là tất cả, mà vấn đề là làm sao xây dựng một hệ thống dựa trên điều kiện vật chất hiện có của xã hội đủ mềm dẽ để có thể thay đổi ăn nhịp với sự phát triển của điều kiện vật chất đó.

Muốn thế ta phải gạn lọc những phiến diện của 2 chủ thuyết đối nghịch trong non 1 thế kỷ qua để đem lại cái tầm thước nhân bản trong việc xây dựng một nhân sinh quan nói lên cái chân lý về con người, đó là tự do. Không phải cái tự do vô chính phủ (anarchism), không phải cái tự do của chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì nếu thế thì cách mạng chỉ là để đòi hỏi cái quyền của giai cấp ưu tú mà mình không có, đòi hỏi nhập vào giai cấp thượng tầng.

Nếu chọn sự nhin nhục và chọn hành động Cách mạng đều thể hiện sự tự do như nhau, thì bằng cách trở thành cách mạng con người sẽ thể hiện tự do một cách hiệu quả hơn, một cách tốt đẹp hơn. Người cách mạng hành động không phải riêng cho giai cấp mình mà cho con người nói chung kể cả người của giai cấp thượng tầng. Bởi vì muốn đặt các giai cấp bị áp bức dưới quyền lực của mình họ phải trả bằng thân xác, phải liên lụy vào cuộn chỉ của quyền thế và giá trị mà họ đã đặt ra. Họ tự áp bức mình khi áp bức người khác. Trên quan điểm đó thì hành động của người CS, hay của một Malcom X

hay của một Martin L. King không phải là hành động cách mạng: họ đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp họ để thay thế một giai cấp khác hoặc để hội nhập vào giai cấp ưu tú.

Phủ nhận tất yếu lịch sử, phủ nhận ưu việt tính của tư tưởng bằng cách nói rằng tất yếu là tạm thời, cục bộ trong lòng của một ngẫu nhiên nguyên thủy, rằng tâm (chủ thể) và vật không thể tách rời mà không làm cho thực tại khách quan tan biến, nhân sinh quan đó nhằm xây dựng một tương quan mới giữa Người với Người trong sự thừa nhận hổ tương.

Nếu như Kierkegaard nói con người là “không thể hiểu được” thì bởi vì - như Sartre đã nói - Những quan niệm mà ngày nay chúng ta có để hiểu con người đều là vay mượn của ý thức hệ tả khuynh hoặc hữu khuynh. Một quan niệm trừu tượng phản ánh sự ly khai giữa trí và hành. Nếu ta xem định chế xã hội như là một sự việc thực tiễn (fact) thì ta mới có thể thay đổi nó bằng 1 sự việc khác thích hợp hơn (khi những định chế đó không còn thực tiễn nữa). Nếu xem đó như những giá trị trừu tượng những quyền lợi thì ta không thay đổi được vì đã bị mê hoặc. Nói sự ly khai giữa trí và hành hoặc nói mê hoặc bởi những giá trị có sẵn của 2 ý thức hệ này đều là một cách nói. Một ý thức hệ mới, do đó, tất phải có khả năng để cho con người có cái ngẫu nhiên của sự việc, nó phải chứng tỏ rằng con người là bất khả biện minh, cuộc sống của nó là ngẫu nhiên, rằng do đó những

trật tự do con người thành lập có thể được vượt qua đến những trật tự khác, rằng hệ thống các giá trị phản ánh các cơ cấu xã hội đương thời và có xu hướng bảo tồn các cơ cấu đó và rằng nó có thể bị vượt qua để đến những hệ thống khác dù chưa có trong tương lai nhưng đều do mọi người trong xã hội cảm nhận và hành động để vượt qua.

Sau hết điều cần nhấn mạnh ở đây là ý thức hệ này không phải là tất cả, nó chỉ là bước đầu để thiết lập một tương quan mới giữa người với người và xây dựng một trật tự mới. Nó phải thành hình bằng cách vượt qua 2 ý thức hệ đối nghịch hiện tại trong 1 tổng hợp. Nó chỉ có giá trị trong hoàn cảnh xã hội xây dựng trên sự khai thác, trong thời kỳ vong thân. Như thế nếu một khi trật tự xã hội mới được thiết lập, mâu thuẫn xã hội được giải quyết và sự sản xuất đời sống vật chất bảo đảm triều đại của tự do thì ý thức hệ đó cáo chung. Nó sẽ nhường bước cho một nhân sinh quan khác trong thời kỳ xa xôi đó mà hiện nay ta chưa có một kinh nghiệm cũng như kỹ thuật để xây dựng một nhân sinh quan như thế. Nói tóm cái triển vọng mà con người có hiện nay, trước sự thất bại của hệ thống CS là tìm một ý thức hệ giải phóng và cũng là một ý thức hệ nhân bản.

CATPHUONG

